TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01108

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Luật thực phẩm (210601) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 26/04/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (30%)	Đ2 (%)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
91	11148246	TRƯƠNG THÙY BẢO	TRINH	DH11DD	1		7,8		8,5	8,3	8	3
92	11125120	KIM THÀNH	TRUNG	DH11BQ	1		7,2		8,0	7,8	7	8
93	09148181	PHAN QUỐC	TRUNG	DH09DD	1		6,8		8,0	7,6	7	6
94	11148263	PHẠM THANH	TÚ	DH11DD	1		7,2		6,5	6,7	6	7
95	11156083	LÊ THANH	TÙNG	DH11VT	1		7,6		8,5	8,2	8	2
96	11148255	ĐỖ THANH	TUYỀN	DH11DD	2		8,0		8,0	8,0	8	0
97	11148273	TỪ THỊ TƯỜNG	VI	DH11DD	1		7,2		7,5	7,4	7	4
98	11148288	VÕ THỊ	YẾN	DH11DD	1		7,6		7,5	7,5	7	5
99	11148289	VÕ THỊ BÍCH	YẾN	DH11DD	1		8,0		7,5	7,7	7	7

Số bài: 98 ; Số tờ: 103

Cán bộ coi thi 1&2 — Duyệt của Trưởng Bộ môn — Cán bộ chấm thi 1&2 — Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01108

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Luật thực phẩm (210601) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 26/04/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
73	11148218	HUỲNH THỊ NGỌC	THƠ	DH11DD	1		7,8		8,0	7,9	7	9
74	11148220	TRẦN LỆ	THU	DH11DD	1		7,6		8,0	7,9	7	9
75	11148221	NGUYỄN ĐÌNH	THUẬN	DH11DD	1		7,4		4,0	5,0	5	0
76	10148245	CÁI THỊ KIM	THÙY	DH10DD	1		8,6		8,0	8,2	8	2
77	11148222	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÚY	DH11DD	1		7,2		5,5	6,0	6	0
78	11148287	TRẦN THỊ THU	THÚY	DH11DD	1		8,2		7,5	7,7	7	7
79	11148224	BÙI THỊ	THÚY	DH11DD	2		7,4		8,0	7,8	7	8
80	11148229	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	DH11DD	1		7,6		8,0	7,9	7	9
81	11148026	TRẦN THỊ ANH	THƯ	DH11DD	1		7,6		7,5	7,5	7	5
82	11148027	NGUYỄN THỊ KIỀU	TIÊN	DH11DD	1		7,4		8,0	7,8	7	8
83	11148234	TRẦN THỊ VƯƠNG THỦ	TIÊN	DH11DD	1		7,8		8,0	7,9	7	9
84	11148237	HOÀNG THỊ HUYỀN	TRANG	DH11DD	1		7,2		8,0	7,8	7	8
85	11148028	HỒ THỊ	TRANG	DH11DD	1		7,8		7,5	7,6	7	6
86	11148239	NGUYỄN THỊ	TRANG	DH11DD	1	Trang	8,0		7,5	7,7	7	7
87	11148341	NGÔ THỊ BÍCH	TRÂM	DH11DD	1		7,6		8,0	7,9	7	9
88	11148242	PHAN HỒ THỊ BÍCH	TRÂM	DH11DD	1		7,8		8,5	8,3	8	3
89	11148030	VÕ THỊ	TRÂM	DH11DD	1		6,4		8,0	7,5	7	5
90	11125023	NGUYỄN MINH	TRÍ	DH11BQ	1		7,2		7,5	7,4	7	4

Số bài: 55 ; Số tờ: 103

Cán bộ coi thi 1&2 — Duyệt của Trưởng Bộ môn — Cán bộ chấm thi 1&2 — Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01108

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Luật thực phẩm (210601) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 26/04/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	11148180	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	DH11DD	1		7,8		8,5	8,3	8	3
56	11148182	BÙI VĂN	PHÁT	DH11DD	1		7,8		8,5	8,3	8	3
57	11148019	ĐOÀN MINH	PHỤNG	DH11DD	1		7,6		8,0	7,9	7	9
58	11125015	TRẦN NGUYỄN HỮU	PHƯỚC	DH11BQ	1		7,4		7,5	7,5	7	5
59	11148189	LÊ THU	PHƯƠNG	DH11DD	2		7,6		8,0	7,6	7	6
60	~~11148044~~	~~NGUYỄN THỊ~~	~~PHƯƠNG~~	~~DH11DD~~								
61	11148202	NGUYỄN VĂN	QUÝ	DH11DD	1		7,6		7,5	7,5	7	5
62	11148199	LÊ THỊ	QUỲNH	DH11DD	1		7,6		7,5	7,5	7	5
63	11148201	TRƯƠNG THỊ NHƯ	QUỲNH	DH11DD	1		7,4		5,0	5,7	5	7
64	11148022	VŨ NGUYÊN HOÀI	SƯƠNG	DH11DD	1		7,4		7,0	7,1	7	1
65	11148206	NGUYỄN THỊ LAN	THANH	DH11DD	1		8,0		7,5	7,7	7	7
66	11125162	HUỲNH TẤN	THÀNH	DH11BQ	1		7,6		8,5	8,2	8	2
67	11148286	ĐẶNG BÉ	THÀNH	DH11DD	2		7,4		8,5	8,2	8	2
68	11148207	CHU THỊ THANH	THẢO	DH11DD	1		7,0		7,5	7,4	7	4
69	11125143	HUỲNH THANH	THẢO	DH11BQ	1		7,0		7,5	7,4	7	4
70	11148038	LỮ THỊ CẨM	THI	DH11DD	1		7,2		7,0	7,1	7	1
71	11148216	NGUYỄN TRƯỜNG	THỌ	DH11DD	1		7,4		7,0	7,1	7	1
72	11148336	TRẦN THỊ MINH	THOA	DH11DD	1		7,8		7,5	7,6	7	6

Số bài: 98 ; Số tờ: 103

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01108

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Luật thực phẩm (210601) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 26/04/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11125063	NGUYỄN THỊ THÚY	KIỀU	DH11BQ	1		7,8		8,5	8,3	8	3
38	11125153	HUỲNH THỊ KIM	LÀNH	DH11BQ	1		6,2		8,0	7,5	7	5
39	11148135	CAO THỊ THÙY	LINH	DH11DD	1		7,8		8,0	7,9	7	9
40	11125155	ĐẶNG THỊ KHA	LINH	DH11BQ	1		7,6		7,5	7,5	7	5
41	10148128	TRẦN THỊ THÙY	LINH	DH10DD	1		7,6		8,5	8,2	8	2
42	11148142	TRƯƠNG HUỲNH KIỀU	LOAN	DH11DD	1		7,8		8,5	8,3	8	3
43	11148144	VÕ THANH	LỘC	DH11DD	1		7,4		7,5	7,5	7	5
44	11156010	NGUYỄN THỊ THÚY	LÙNG	DH11VT	1		7,6		7,5	7,5	7	5
45	11156012	NGUYỄN THỊ HUỲNH	MAI	DH11VT	1		7,2		8,5	8,1	8	1
46	11148152	NGUYỄN TRẦN HOÀNG	MY	DH11DD	1		7,6		7,5	7,5	7	5
47	11148153	TRẦN NGUYỄN TUYẾT	MY	DH11DD	1		8,0		7,5	7,7	7	7
48	11125009	NGUYỄN THỊ THÙY	NGÂN	DH11BQ	1		8,0		8,0	8,0	8	0
49	11148158	NGUYỄN THU	NGÂN	DH11DD	1		7,6		8,0	7,9	7	9
50	11148161	NAY MINH	NGỌC	DH11DD	1		8,0		7,5	7,7	7	7
51	11125078	NGUYỄN THỊ	NGỌC	DH11BQ	1		7,4		7,5	7,4	7	4
52	11148178	LÊ THỊ HÀ	NI	DH11DD	2		8,4		9,0	8,8	8	8
53	11148325	NGÔ KIM	NỮ	DH11DD	1		6,6		7,5	7,2	7	2
54	11148042	NGUYỄN THỊ	NỮ	DH11DD	1		7,4		8,0	7,8	7	8

Số bài: 54 ; Số tờ: 2

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01108

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Luật thực phẩm (210601) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 26/04/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (30%)	Đ2 (%)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11148089	NGUYỄN NGỌC	ĐIỆP	DH11DD	1		8,0		7,5	7,7	7	7
20	11148091	TRẦN NGUYỄN MINH	ĐOÀN	DH11DD	1		7,4		6,5	6,8	6	8
21	11148092	NGUYỄN TRÍ	ĐỨC	DH11DD	1		8,0		7,5	7,7	7	7
22	11148008	NGUYỄN MẠNH	HÀ	DH11DD	1		7,6		7,5	7,5	7	5
23	11148098	NGUYỄN THỊ	HÀ	DH11DD	1		7,2		8,0	7,8	7	8
24	10148064	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	DH10DD	1		8,0		8,0	8,0	8	0
25	11148105	NGUYỄN PHẠM NGUYÊN	HẰNG	DH11DD	1		7,6		7,5	7,5	7	5
26	10156019	TRẦN THỊ DIỆU	HẰNG	DH10VT	1		6,8		7,0	6,9	6	9
27	11148031	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	DH11DD	1		7,4		6,5	6,8	6	8
28	11148107	LÊ CÔNG	HẬU	DH11DD	1		8,2		2,5	4,2	4	2
29	11148110	LÊ THỊ THU	HIỀN	DH11DD	1		7,2		7,5	7,4	7	4
30	11148303	NGUYỄN QUỐC	HIỀN	DH11DD	1		7,6		6,5	6,8	6	8
31	10125214	NGUYỄN THỊ	HOA	DH10BQ	1		6,2		7,0	6,8	6	8
32	10148100	ĐÀO KIM	HƯƠNG	DH10DD	1		7,6		8,0	7,9	7	9
33	11148307	HÀ THỊ THU	HƯƠNG	DH11DD	1		7,8		8,5	8,3	8	3
34	11148011	NGUYỄN THỊ MAI	HƯƠNG	DH11DD	1		7,8		8,5	8,3	8	3
35	11148124	PHẠM NGUYỄN QUỲNH	HƯƠNG	DH11DD	1		8,0		8,5	8,4	8	4
36	11148309	NGUYỄN THANH	KHUÊ	DH11DD	1		8,0		7,5	7,7	7	7

Số bài: 38 ; Số tờ: 103

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2 | Duyệt của Trưởng Bộ môn | Cán bộ chấm thi 1&2 | Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01108

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Luật thực phẩm (210601) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 26/04/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (30%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11125020	NGÔ THỊ NGỌC	ÁNH	DH11BQ	1		6,4		8,0	7,5	7	5
2	10148012	TRINH THỊ THỪA	ÂN	DH10DD	1		8,6		8,5	8,5	8	5
3	11148056	VY NGỌC	ÂN	DH11DD	1		8,0		7,5	7,7	7	7
4	11148060	ĐOÀN THỊ THU	BÍCH	DH11DD	1		7,8		7,5	7,6	7	6
5	11148058	HOÀNG QUANG	BÌNH	DH11DD	1		7,8		7,5	7,6	7	6
6	11148002	TRẦN THỊ NHƯ	BÌNH	DH11DD	1		7,8		7,5	7,6	7	6
7	11148284	LÂM THỊ NGỌC	CHÂU	DH11DD	1		7,6		7,5	7,5	7	5
8	11148064	LÊ THỤY SONG	CHÂU	DH11DD	1		6,2		8,0	7,5	7	5
9	11148066	VƯƠNG THỊ MINH	CHÂU	DH11DD	1		8,0		7,5	7,7	7	7
10	11148067	ĐINH VÕ NGỌC	CHI	DH11DD	1		7,6		8,5	8,2	8	2
11	11148068	NGUYỄN THỊ BÍCH	CHI	DH11DD	1		7,4		7,5	7,5	7	5
12	11148291	NGUYỄN THỊ MỸ	CHI	DH11DD	1		0		7,5	5,3	5	3
13	11148293	VÕ ĐÌNH	CHƯƠNG	DH11DD	1		7,6		7,0	7,2	7	2
14	11148074	PHẠM CAO	CƯỜNG	DH11DD	1		7,2		7,0	7,1	7	1
15	11148082	NGUYỄN THỊ	DUNG	DH11DD	1		7,6		7,5	7,5	7	5
16	11148085	HUỲNH THỊ MỸ	DUYÊN	DH11DD	1		6,0		6,5	6,4	6	4
17	11125039	NGUYỄN THỊ HỒNG	DUYÊN	DH11BQ	1		7,4		8,5	8,2	8	2
18	11125147	NGUYỄN THỊ SINH	DUYÊN	DH11BQ	1		7,4		7,5	7,5	7	5

Số bài: 98 ; Số tờ: 163

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2 — Lê Trung Thiên — Phạm Triết Dương

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 — Ngày tháng năm